TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **293**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 478/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Út L, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Phạm Út L chung sống cùng nhau 05 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được. Bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông L. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Anh Thư S ngày 24/8/2022 hiện đang sống cùng ông L. Khi ly hôn bà B thống nhất giao con cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố

tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Út L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bé B và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B1 Ba có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Út L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Phạm Út L tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà B yêu cầu được ly hôn với ông L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông L, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà B. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông L đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về việc xin ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà B và ông L có 01 con chung tên Phạm Anh Thư S ngày 24/8/2022 đang sống cùng ông L. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà B xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà B Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Ba phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B1 Ba xin ly hôn với ông Phạm Út L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh Thư S ngày 24/8/2022 cho ông L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B1 Ba phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001967 ngày 17/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ An Khương Đông;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Ý